

Máy chai, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2024-2025

Thực hiện Kế hoạch số 41/KH-PGDĐT ngày 12/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Ngô Quyền triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024-2025. Trường THCS Lạc Viên đã tiến hành Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường; kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

I. Tổ chức tự đánh giá:

1. Thời gian: 9h, ngày 24 tháng 02 năm 2025
2. Địa điểm: Trường THCS Lạc Viên
3. Thành phần: Hội đồng Tự đánh giá mức độ Chuyển đổi số trường THCS Lạc Viên, năm học 2024-2025
 - Chủ trì: Đ/c Đỗ Mai Hương, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá
 - Thư ký: Đ/c Nguyễn Thị Hằng- Giáo viên tin học, cán bộ phụ trách CNTT
 - Thành viên: 8 người



II. Bảng điểm tự chấm thực hiện theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

| STT | Tiêu chí | Thang điểm | | Tự đánh giá | | Ghi chú, minh chứng |
|----------|--|-------------|-----------------|-------------|----------|--|
| | | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Điểm | Mức độ | |
| I | Chuyên đổi số trong dạy, học | 100 | 100 | 89 | 3 | |
| 1.1 | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) | | | | | Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến |
| 1.2. | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến | | | | | Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến |
| 1.3. | Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (Google meet; MS Teams; Zoom) Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: 1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; 2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; 3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; 4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. | 30 | 6 24 | 6 20 | 3 | https://olm.vn/ |
| 1.4. | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt, MC trên hệ thống OLM). | 10 | 10 | 10 | 3 | - Hiện nay, đã có 300 học liệu trên OLM |
| 1.5. | Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (...) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường (hệ thống OLM) | 20 | 15 5 | 15 5 | 3 | https://violympic.vn/ vio.edu.vn http://ioe.com |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | 20 | 7 | 7 | 3 | -64/64 giáo viên, CBQL có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu |

| | | | | | | |
|----------|---|------------|----|----|---|--|
| | - Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | | 7 | 7 | | - 64/64 đạt 100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học; có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử |
| | - Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | | 6 | 6 | | |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy- học và kết nối Internet trên tổng số phòng học Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học: 50 máy | 20 | 8 | 8 | 2 | 17/17 phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy- học và kết nối Internet trên tổng số phòng học |
| | - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) | | 7 | 5 | | Có 01 phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) |
| | | | 5 | 0 | | |
| 2 | Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục | 100 | | 98 | 3 | |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) | | | | | - QĐ kiện toàn BCĐ CNTT, Chuyển đổi số |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | | | | | - KH triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2024-2025 |
| 2.3 | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) | 70 | 6 | 6 | 3 | - Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống quản trị trong nhà trường https://csdl.haiphong.edu.vn https://ql.haiphong.edu.vn/ https://haiphong.qlcb.vn/ https://mimosapp.misa.vn/ https://qltsapp.misa.vn/ |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: | 30 | 8 | 8 | 3 | - KH triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua hệ thống Enetviet. - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. |
| | | | 12 | 12 | | |

ƯỚN
HOC
VIE
*

| | | | | |
|---|--|----|----|---|
| - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | | 10 | 10 | -triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt qua Ngân hàng Vietcombank |
|---|--|----|----|---|

Tổng điểm tự đánh giá: 187 điểm

II. Tự nhận xét, đánh giá:

1. Ưu điểm:

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

- Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng kho học liệu số trong các nhóm, tổ chuyên môn. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt giáo án qua phần mềm quản lý hồ sơ ql.haiphong.edu.vn và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

- Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 6 và 100% học sinh được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

- Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường (OLM) và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm ... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

- Trong quản lý tài chính nhà trường đã sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt với CB, GV và PHHS

2. Tồn tại, hạn chế

- CSVC, Cơ sở hạ tầng mạng và thiết bị máy tính thực hiện ứng dụng CNTT cũ chưa tiếp cận hướng hiện đại, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

- PHHS trên địa bàn còn nhiều khó khăn, chưa đủ 100% phụ huynh có điện thoại Smartphone để liên hệ với nhà trường nắm bắt thông tin qua các phần mềm hỗ trợ con học tập, qua dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu,

tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

- Khả năng thích ứng Chuyển đổi số của CBGVNV còn hạn chế nên việc triển khai thực hiện còn gặp nhiều bất cập.

3. Phương hướng, khắc phục

- Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác CSDL ngành, thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, số sách học bạ số điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được vận dụng tối đa trên môi trường mạng.

- Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng module theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

- Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

4. Đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá nhất trí với kết quả đạt **Mức độ 3**.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT quận;
- Thành viên Hội đồng tự đánh giá;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Mai Hương

